

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN
TẢI NEWWAY**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
NEWWAY
DN: C=VN, S=Hà Nội, L=Phường Hoàng Mai,
O=CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0106921949
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-03-24 09:21:03
Foxit Reader Version: 9.6.0

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

Khu Kim Ngưu II, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Newway trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Newway (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Vận tải Du lịch Hà Nội thuộc Tổng Công ty Vận tải Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 3002/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần số 0106921949 ngày 03/8/2015, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 02 ngày 14/8/2018.

Tên tiếng Anh: NEWWAY TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NWT.,JSC.

Vốn điều lệ Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 02 ngày 14/8/2018 là: 85.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi lăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã chứng khoán NWT.

Trụ sở chính của Công ty: Khu Kim Ngưu II, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải bằng xe buýt, du lịch lữ hành;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thuý	Chủ tịch (Tái bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Bà Lê Quỳnh Trang	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Ông Phạm Đức Học	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Ông Nguyễn Viết Hưng	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 24/4/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Nhân	Trưởng ban (Tái bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Bà Lê Thanh Vi	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Ông Nguyễn Duy Cương	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 24/4/2025)

Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Ông Phạm Đức Học	Giám đốc
Ông Nguyễn Viết Hưng	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Đức Học - Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Học

Phạm Đức Học

Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Số: 148/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Vận tải Newway**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Newway, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Tiến

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2026-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		82.201.814.204	92.241.864.131
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	18.663.359.709	13.074.564.076
1. Tiền	111		9.663.359.709	7.074.564.076
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.696.969.751	38.343.990.192
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	24.696.969.751	38.343.990.192
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.514.736.960	39.503.863.771
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	35.971.986.228	29.314.173.175
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	468.487.678	9.213.429.136
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.100.263.054	1.002.261.460
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(26.000.000)	(26.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		1.023.377.989	990.485.209
1. Hàng tồn kho	141	5.6	1.023.377.989	990.485.209
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		303.369.795	328.960.883
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	303.369.795	328.960.883
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		122.127.888.686	61.728.448.578
II. Tài sản cố định	220		119.127.888.686	58.728.448.578
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	119.127.888.686	58.728.448.578
- Nguyên giá	222		373.635.562.967	311.597.902.575
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(254.507.674.281)	(252.869.453.997)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	3.000.000.000	3.000.000.000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.000.000.000	3.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		204.329.702.890	153.970.312.709

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		106.049.396.535	56.940.253.410
I. Nợ ngắn hạn	310		53.458.784.535	37.346.690.410
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	12.171.062.783	4.618.877.796
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.088.334.000	3.288.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.367.929.664	2.002.105.505
4. Phải trả người lao động	314		16.732.630.119	15.644.831.738
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	3.457.277.075	5.229.977.760
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		271.415.638	133.599.999
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	2.970.320.756	2.987.115.112
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	13.517.201.000	5.994.201.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.882.613.500	732.693.500
II. Nợ dài hạn	330		52.590.612.000	19.593.563.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	52.590.612.000	19.593.563.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		98.280.306.355	97.030.059.299
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	98.280.306.355	97.030.059.299
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.000.000.000	85.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.135.000.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.145.306.355	12.030.059.299
- LNST chưa phân phối lũy kế	421a		3.694.059.299	682.835.156
- đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.451.247.056	11.347.224.143
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		204.329.702.890	153.970.312.709

Người lập

Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Giám đốc



Phạm Đức Học

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	165.691.704.404	157.287.697.207
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		165.691.704.404	157.287.697.207
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	152.978.386.853	147.228.973.924
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		12.713.317.551	10.058.723.283
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.720.747.246	2.533.414.103
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.249.154.198	2.420.627.572
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.249.154.198	2.420.627.572
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.733.965.537	2.514.311.337
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		8.450.945.062	7.657.198.477
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.993.180.700	6.564.571.790
12. Chi phí khác	32	6.6	385.501.136	3.192.071
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	2.607.679.564	6.561.379.719
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		11.058.624.626	14.218.578.196
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.607.377.570	2.871.354.053
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		8.451.247.056	11.347.224.143
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	994	1.188

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Giám đốc

Nguyễn Thị Tuyết

Nguyễn Thị Thu Hà



Phạm Đức Học

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		11.058.624.626	14.218.578.196
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		36.524.660.284	28.826.843.673
- Các khoản dự phòng	03		-	26.000.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.697.733.778)	(9.070.282.016)
- Chi phí lãi vay	06		3.249.154.198	2.420.627.572
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		46.134.705.330	36.421.767.425
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.461.346.644)	(12.669.730.537)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(32.892.780)	(143.120.949)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		764.725.236	2.933.069.968
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		25.591.088	97.098.992
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.221.376.536)	(2.425.870.412)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.340.706.343)	(1.898.575.735)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		37.020.000	51.510.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(138.100.000)	(220.700.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		34.767.619.351	22.145.448.752
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(82.164.100.392)	(11.786.588.281)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.976.986.532	6.276.948.789
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.352.979.559)	(46.409.990.192)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.000.000.000	45.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.791.220.701	2.310.983.388
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(63.748.872.718)	(4.608.646.296)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		49.937.000.000	6.400.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.416.951.000)	(14.253.377.570)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.950.000.000)	(4.250.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>34.570.049.000</i>	<i>(12.103.377.570)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		5.588.795.633	5.433.424.886
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.074.564.076	7.641.139.190
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	18.663.359.709	13.074.564.076

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Tuyết

Nguyễn Thị Thu Hà



Phạm Đức Học

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Newway tiền thân là Xí nghiệp Vận tải Du lịch Hà Nội thuộc Tổng Công ty Vận tải Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 3002/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106921949 ngày 03/8/2015 thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 02 ngày 14/8/2018.

Tên tiếng Anh: NEWWAY TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NWT.,JSC.

Vốn điều lệ Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 02 ngày 14/8/2018 là: 85.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi lăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã chứng khoán NWT.

Trụ sở chính của Công ty: Khu Kim Ngưu II, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 339 người (Tại ngày 31/12/2024 là 352 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải bằng xe buýt; du lịch lữ hành;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc và thiết bị	04 - 05
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 04
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Các khoản chi phí bảo hiểm và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả với Công ty mẹ);
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí sửa chữa, chi phí thay sắm lốp, chi phí lãi vay và các chi phí khác.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng, doanh thu vận tải du lịch và doanh thu dịch vụ khác.

Với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng:

- Doanh thu vé ngày: Công ty ghi nhận doanh thu theo thực tế phát sinh vé bán hàng ngày tại các tuyến xe;
- Doanh thu vé tháng: Công ty ghi nhận theo phân bổ doanh thu hàng tháng từ Trung tâm Quản lý và Điều hành giao thông thành phố Hà Nội (thuộc Sở Xây dựng).
- Đối với doanh thu trợ giá xe bus được ghi nhận sau khi có phê duyệt, thẩm tra từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là vận tải hành khách công cộng, doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	1.305.653.163	934.029.306
Tiền gửi ngân hàng	8.357.706.546	6.140.534.770
Các khoản tương đương tiền	9.000.000.000	6.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng (*)	9.000.000.000	6.000.000.000
Tổng	18.663.359.709	13.074.564.076

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 1,8%/năm, trong đó số dư tại ngày 31/12/2025 bị phong tỏa, cầm cố là 9.000.000.000 VND để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại các ngân hàng (chi tiết tại Thuyết minh số 5.13).

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	24.696.969.751	24.696.969.751	38.343.990.192	38.343.990.192
- Tiền gửi có kỳ hạn	24.696.969.751	24.696.969.751	38.343.990.192	38.343.990.192
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vạn Phúc Hà Nội (*)	8.196.969.751	8.196.969.751	18.843.990.192	18.843.990.192
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia Chi Nhánh Hà Nội (*)	10.500.000.000	10.500.000.000	15.500.000.000	15.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (*)	6.000.000.000	6.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia Chi Nhánh Hà Nội (*)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng	27.696.969.751	27.696.969.751	41.343.990.192	41.343.990.192

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng đến 24 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 2,8%/năm đến 5,0%/năm, trong đó số dư tại ngày 31/12/2025 bị phong tỏa, cầm cố là 6.000.000.000 VND để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại các ngân hàng (chi tiết tại Thuyết minh số 5.13).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

Khu Kim Ngưu II, Phường Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	35.971.986.228	29.314.173.175
Trung tâm Quản lý và Điều hành Giao thông Thành phố Hà Nội	25.910.618.231	21.931.758.932
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	1.304.640.000	1.346.388.480
Văn Phòng Quốc Hội	2.248.325.000	-
Công ty TNHH Lotte Rent A Car Vina	1.549.022.999	1.527.683.667
Phải thu các đối tượng khác	4.959.379.998	4.508.342.096
Tổng	35.971.986.228	29.314.173.175
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>380.648.139</i>	<i>265.102.541</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	468.487.678	9.213.429.136
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	60.480.648	278.945.665
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh VINFAST	-	7.380.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Hưng Phát	-	1.116.721.071
Công ty Cổ phần Phần mềm Quản trị doanh nghiệp	135.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu	246.421.630	-
Thiết bị Hưng Thịnh	26.585.400	437.762.400
Các đối tượng khác		
Tổng	468.487.678	9.213.429.136

5.5 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.100.263.054	-	1.002.261.460	-
Tạm ứng	249.312.200	-	49.864.551	-
Ký cược, ký quỹ	6.500.000	-	102.923.285	-
Phải thu khác	844.450.854	-	849.473.624	-
<i>Lãi dự thu tiền gửi</i>	<i>739.824.602</i>	<i>-</i>	<i>810.298.057</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>104.626.252</i>	<i>-</i>	<i>39.175.567</i>	<i>-</i>
Tổng	1.100.263.054	-	1.002.261.460	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

Khu Kim Ngưu II, Phường Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.020.127.989	-	990.485.209	-
Công cụ, dụng cụ	3.250.000	-	-	-
Tổng	1.023.377.989	-	990.485.209	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	303.369.795	328.960.883
Chi phí bảo hiểm	141.730.490	67.108.568
Phí bảo hiểm đường bộ	114.261.303	74.474.313
Chi phí trả trước khác	47.378.002	187.378.002
Tổng	303.369.795	328.960.883

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	23.703.807.213	1.283.768.947	286.373.943.615	236.382.800	-	311.597.902.575
Tăng trong năm	-	92.400.000	87.943.453.400	-	8.888.246.992	96.924.100.392
Mua trong năm	-	92.400.000	87.943.453.400	-	8.888.246.992	96.924.100.392
Giảm trong năm	-	-	34.886.440.000	-	-	34.886.440.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	34.886.440.000	-	-	34.886.440.000
Số dư tại 31/12/2025	23.703.807.213	1.376.168.947	339.430.957.015	236.382.800	8.888.246.992	373.635.562.967
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	23.703.807.213	1.240.544.560	227.688.719.424	236.382.800	-	252.869.453.997
Tăng trong năm	-	29.748.774	35.101.598.271	-	1.393.313.239	36.524.660.284
Khấu hao trong năm	-	29.748.774	35.101.598.271	-	1.393.313.239	36.524.660.284
Giảm trong năm	-	-	34.886.440.000	-	-	34.886.440.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	34.886.440.000	-	-	34.886.440.000
Số dư tại 31/12/2025	23.703.807.213	1.270.293.334	227.903.877.695	236.382.800	1.393.313.239	254.507.674.281
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2025	-	43.224.387	58.685.224.191	-	-	58.728.448.578
Tại 31/12/2025	-	105.875.613	111.527.079.320	-	7.494.933.753	119.127.888.686

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 112.338.747.016 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 45.197.187.636 đồng).
 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 196.451.216.055 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 137.634.523.691 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

Khu Kim Ngưu II, Phường Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	12.171.062.783	12.171.062.783	4.618.877.796	4.618.877.796
Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC	998.284.868	998.284.868	2.205.043.883	2.205.043.883
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Việt Hàn	921.258.252	921.258.252	509.336.392	509.336.392
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh VINFAST	7.380.000.000	7.380.000.000	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn đối tượng khác	2.871.519.663	2.871.519.663	1.904.497.521	1.904.497.521
Tổng	12.171.062.783	12.171.062.783	4.618.877.796	4.618.877.796
<i>Trong đó Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>10.368.000</i>	<i>10.368.000</i>	<i>128.334.000</i>	<i>128.334.000</i>

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	2.002.105.505	5.983.276.107	6.617.451.948	1.367.929.664
Thuế giá trị gia tăng	296.471.672	2.590.566.812	2.572.899.336	314.139.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.671.354.053	2.607.377.570	3.340.706.343	938.025.280
<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>1.671.354.053</i>	<i>2.038.025.280</i>	<i>2.771.354.053</i>	<i>938.025.280</i>
<i>Truy thu các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>569.352.290</i>	<i>569.352.290</i>	<i>-</i>
Thuế thu nhập cá nhân	34.279.780	437.735.565	356.250.109	115.765.236
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	57.414.625	57.414.625	-
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	287.181.535	287.181.535	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

Khu Kim Ngưu II, Phường Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	3.457.277.075	5.229.977.760
Chi phí sửa chữa	2.137.460.000	2.854.600.000
Chi phí tiền ăn ca	189.056.000	187.038.000
Chi phí lãi vay phải trả	60.333.341	32.555.679
Chi phí sắm lắp, ác quy	924.251.171	711.905.600
Chi phí xử lý chống thấm	-	682.000.000
Chi phí khác	146.176.563	761.878.481
Tổng	3.457.277.075	5.229.977.760

5.12 Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	2.970.320.756	2.987.115.112
Kinh phí công đoàn	400.425.876	258.481.092
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.299.500.000	2.558.000.000
Phải trả, phải nộp khác	270.394.880	170.634.020
Tổng	2.970.320.756	2.987.115.112

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025		Trong năm			01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Nợ dài hạn đến hạn trả	13.517.201.000	13.517.201.000	16.939.951.000	9.416.951.000	5.994.201.000	5.994.201.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (1)	13.019.000.000	13.019.000.000	16.441.750.000	8.918.750.000	5.496.000.000	5.496.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vạn Phúc (2)	498.201.000	498.201.000	498.201.000	498.201.000	498.201.000	498.201.000	
Vay dài hạn	52.590.612.000	52.590.612.000	49.937.000.000	16.939.951.000	19.593.563.000	19.593.563.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (1)	51.594.210.000	51.594.210.000	49.937.000.000	16.441.750.000	18.098.960.000	18.098.960.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vạn Phúc (2)	996.402.000	996.402.000	-	498.201.000	1.494.603.000	1.494.603.000	
Tổng	66.107.813.000	66.107.813.000	66.876.951.000	26.356.902.000	25.587.764.000	25.587.764.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	85.000.000.000	-	5.377.835.156	90.377.835.156
Lãi trong năm trước	-	-	11.347.224.143	11.347.224.143
Trích lập các quỹ	-	-	(445.000.000)	(445.000.000)
Chia trả cổ tức	-	-	(4.250.000.000)	(4.250.000.000)
Số dư tại 31/12/2024	85.000.000.000	-	12.030.059.299	97.030.059.299
Số dư tại 01/01/2025	85.000.000.000	-	12.030.059.299	97.030.059.299
Lãi trong năm nay	-	-	8.451.247.056	8.451.247.056
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban điều hành (i)	-	-	(1.251.000.000)	(1.251.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	1.135.000.000	(1.135.000.000)	-
Chia trả cổ tức (i)	-	-	(5.950.000.000)	(5.950.000.000)
Số dư tại 31/12/2025	85.000.000.000	1.135.000.000	12.145.306.355	98.280.306.355

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 258/NQ-ĐHCD-NWT ngày 24/4/2025 của Công ty Cổ phần Vận tải Newway, theo đó:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.135.000.000 VND;
- Trích quỹ thưởng ban Quản lý điều hành Công ty: 116.000.000 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 1.135.000.000 VND;
- Chia cổ tức: 5.950.000.000 VND.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	80.161.000.000	80.161.000.000
Các đối tượng khác	4.839.000.000	4.839.000.000
Tổng	85.000.000.000	85.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	85.000.000.000	85.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	85.000.000.000	85.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.950.000.000	4.250.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ vận tải khách và dịch vụ khác	73.496.890.105	75.797.669.723
Doanh thu dịch vụ bus	92.194.814.299	81.490.027.484
Tổng	165.691.704.404	157.287.697.207
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	<i>1.991.458.720</i>	<i>2.471.305.601</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ vận tải khách và dịch vụ khác	68.908.566.442	72.150.409.261
Giá vốn dịch vụ bus	84.069.820.411	75.078.564.663
Tổng	152.978.386.853	147.228.973.924

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.720.747.246	2.533.414.103
Tổng	1.720.747.246	2.533.414.103

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.249.154.198	2.420.627.572
Tổng	3.249.154.198	2.420.627.572

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.733.965.537	2.514.311.337
Chi phí nhân viên quản lý	2.151.650.516	1.688.583.077
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	32.339.200
Chi phí khấu hao	158.233.332	158.233.332
Chi phí dự phòng	-	26.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.434.816	213.590.832
Chi phí khác bằng tiền	251.646.873	395.564.896
Tổng	2.733.965.537	2.514.311.337

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản cố định	2.976.986.532	6.536.867.913
Thu nhập từ bán phế liệu	11.666.665	17.138.889
Thu nhập khác	4.527.503	10.564.988
Tổng	2.993.180.700	6.564.571.790
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế	303.617.537	3.192.071
Chi phí thanh lý tài sản	78.504.895	-
Chi phí khác	3.378.704	-
Tổng	385.501.136	3.192.071
Lợi nhuận khác	2.607.679.564	6.561.379.719

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.058.624.626	14.218.578.196
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	471.747.537	138.192.071
<i>Thù lao HDQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>168.130.000</i>	<i>135.000.000</i>
<i>Phạt vi phạm hành chính, phạt thuế và chậm nộp</i>	<i>303.617.537</i>	<i>3.192.071</i>
Điều chỉnh giảm	1.340.245.764	-
<i>Chi phí bị loại trừ theo biên bản kiểm tra thuế năm 2024 do chưa đủ chứng từ, năm 2025 đã có chứng từ</i>	<i>1.340.245.764</i>	<i>-</i>
Thu nhập tính thuế TNDN	10.190.126.399	14.356.770.267
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	2.038.025.280	2.871.354.053
Truy thu thuế TNDN các năm trước	569.352.290	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.607.377.570	2.871.354.053

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND Trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	8.451.247.056	11.347.224.143
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành (*)</i>	-	<i>(1.251.000.000)</i>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.451.247.056	10.096.224.143
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	8.500.000	8.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	994	1.188

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích các quỹ này. Nếu loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 trình bày lại do trong năm 2025 công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 258/NQ-ĐHCD-NWT ngày 24/04/2025 của Công ty Cổ phần Vận tải Newway trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban điều hành số tiền 1.251.000.000 VND. Do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trừ đi số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 từ 1.335 VND/cổ phiếu xuống còn 1.188 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Năm 2024 VND (Đã trình bày)	Năm 2024 VND (Trình bày lại)	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.347.224.143	11.347.224.143	-
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành (*)</i>	-	<i>(1.251.000.000)</i>	<i>(1.251.000.000)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.347.224.143	10.096.224.143	(1.251.000.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	8.500.000	8.500.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.335	1.188	(147)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

Khu Kim Ngưu II, Phường Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.975.182.951	34.620.231.260
Chi phí nhân công	59.369.795.256	53.334.409.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.524.660.284	28.826.843.673
Chi phí dự phòng	-	26.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.492.484.833	20.136.873.630
Chi phí khác bằng tiền	4.350.229.066	12.798.927.520
Tổng	155.712.352.390	149.743.285.261

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Cùng Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Công ty liên kết của Công ty mẹ Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên như sau:

Giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Lương và thù lao của			
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám	Thu nhập	3.399.768.640	2.725.454.100
đốc và người quản lý khác			

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

Khu Kim Ngưu II, Phường Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong đó chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		2.017.397.140	1.630.416.000
Ông Nguyễn Thuý	Chủ tịch	60.030.000	62.710.000
Ông Phạm Đức Học	Thành viên kiêm Giám đốc	732.646.700	566.024.300
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/4/2024)	5.160.000	38.760.000
Bà Lê Quỳnh Trang	Thành viên	51.470.000	53.760.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên kiêm Kế toán trưởng	581.267.940	453.530.100
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23/4/2024) kiêm Phó Giám đốc	586.822.500	455.631.600
Ban Kiểm soát		983.024.700	793.477.700
Bà Lê Thị Thanh Nhân	Trưởng ban	51.470.000	53.760.000
Bà Lê Thanh Vi	Thành viên	466.245.900	366.189.100
Ông Nguyễn Duy Cương	Thành viên	465.308.800	373.528.600
Người được ủy quyền công bố thông tin		399.346.800	301.560.400
Ông Trịnh Quyết Thắng	Thư ký HĐQT	399.346.800	301.560.400
Tổng		3.399.768.640	2.725.454.100

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng		678.211.381	1.117.580.530
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội	Mua dịch vụ	67.896.000	10.602.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Mua dịch vụ	546.278.640	954.656.100
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Mua dịch vụ, mua vật tư	64.036.741	152.322.430
Bán hàng		1.991.458.720	2.471.305.601
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Cung cấp dịch vụ	1.710.758.841	2.256.232.722
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội	Cung cấp dịch vụ	136.666.665	41.759.261
Công ty Xe khách Hà Nội	Cung cấp dịch vụ	7.407.407	35.555.556
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Cung cấp dịch vụ	136.625.807	137.758.062

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

Khu Kim Ngưu II, Phường Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Nội dung	Tính chất giao dịch	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng		380.648.139	265.102.541
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Cung cấp dịch vụ	368.012.139	252.466.541
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Cung cấp dịch vụ	12.636.000	12.636.000
Phải trả người bán		10.368.000	128.334.000
Công ty Cổ phần bến xe Hà Nội	Mua dịch vụ	-	10.602.000
Tổng Công ty vận tải Hà Nội	Mua vật tư, dịch vụ	10.368.000	6.600.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Mua dịch vụ	-	111.132.000

7.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Dịch vụ Bus công cộng	Dịch vụ vận tải du lịch và dịch vụ khác	Tổng
Doanh thu thuần	92.194.814.299	73.496.890.105	165.691.704.404
Giá vốn	84.069.820.411	68.908.566.442	152.978.386.853
Lợi nhuận gộp	8.124.993.888	4.588.323.663	12.713.317.551
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
Kết quả bộ phận	8.124.993.888	4.588.323.663	12.713.317.551
Doanh thu hoạt động tài chính			1.720.747.246
Chi phí tài chính	(1.658.450.721)	(1.590.703.477)	(3.249.154.198)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.001.428.877)	(732.536.660)	(2.733.965.537)
Lợi nhuận khác			2.607.679.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(2.607.377.570)
Lợi nhuận trong năm			8.451.247.056

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Dịch vụ Bus công cộng	Dịch vụ vận tải du lịch và dịch vụ khác	Tổng
Doanh thu	81.490.027.484	75.797.669.723	157.287.697.207
Giá vốn	75.078.564.663	72.150.409.261	147.228.973.924
Lợi nhuận gộp	6.411.462.821	3.647.260.462	10.058.723.283
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
Kết quả bộ phận	6.411.462.821	3.647.260.462	10.058.723.283
Doanh thu hoạt động tài chính			2.533.414.103
Chi phí tài chính	(632.991.689)	(1.787.635.883)	(2.420.627.572)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.702.482.206)	(811.829.131)	(2.514.311.337)
Lợi nhuận khác			6.561.379.719
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(2.871.354.053)
Lợi nhuận trong năm			11.347.224.143

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại 31/12/2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Dịch vụ Bus công cộng	Dịch vụ vận tải du lịch và dịch vụ khác	Tổng
TÀI SẢN			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	90.464.240.891	57.034.824.657	147.499.065.548
Tài sản không phân bổ			56.830.637.342
Tổng tài sản			204.329.702.890
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	58.669.556.686	31.550.886.433	90.220.443.119
Nợ phải trả không thể phân bổ			15.828.953.416
Tổng nợ phải trả			106.049.396.535

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Dịch vụ Bus công cộng	Dịch vụ vận tải du lịch và dịch vụ khác	Tổng
TÀI SẢN			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	30.594.471.804	57.448.149.949	88.042.621.753
Tài sản không thể phân bổ			65.927.690.956
Tổng tài sản			153.970.312.709
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.900.000.000	21.687.764.000	25.587.764.000
Nợ phải trả không thể phân bổ			31.352.489.410
Tổng nợ phải trả			56.940.253.410

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026
Giám đốc



Phạm Đức Học